

**DISPERBYK**

Mã sản phẩm: 00000000000100169

Phiên bản 3.0 SDS\_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2022/11/25

Ngày in 2025/02/24

**1. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT VÀ THÔNG TIN VỀ NHÀ CUNG CẤP**

Tên sản phẩm : DISPERBYK  
Kiểu ứng dụng (sử dụng) : Wetting & Dispersing Additive

**Thông tin nhà cung cấp (nhập khẩu; sản xuất; phân phối)**

Công ty : BYK-Chemie GmbH  
Địa chỉ : Abelstrasse 45  
46483 Wesel  
Điện thoại : +49 281 670-23532  
Telefax : +49 281 670-23533  
Địa chỉ e-mail : GHS.BYK@altana.com  
Số điện thoại liên hệ trong trường hợp khẩn cấp : +84 28 4458 2388 (Tiếng việt và tiếng anh)  
+65 3158 1074 (All languages)

**2. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT****Phân loại theo GHS**

Nhạy cảm với da : Cấp 1

**Các yếu tố nhãn theo GHS**

Hình đồ cảnh báo nguy cơ :



Từ cảnh báo : Cảnh báo

Cảnh báo nguy hiểm : H317 Có thể gây ra phản ứng dị ứng da.

Các lưu ý phòng ngừa :

**Biện pháp phòng ngừa:**

P261 Tránh hít bụi/ khói/ khí/ sương/ hơi/ bụi nước.  
P272 Không nên mang quần áo lao động đã nhiễm hóa chất ra khỏi nơi làm việc.  
P280 Đeo găng tay bảo hộ.

**Biện pháp ứng phó:**

P302 + P352 NẾU DÍNH VÀO DA: Rửa sạch bằng thật nhiều nước.  
P333 + P313 Nếu xảy ra hiện tượng kích ứng da hoặc nổi mẩn: Tìm kiếm sự tư vấn/ chăm sóc y tế.  
P363 Giặt sạch quần áo đã nhiễm hóa chất trước khi tái sử dụng.

**Việc thải bỏ:**

P501 Tiêu hủy thành phần bên trong/ thùng chứa hóa chất tại cơ sở xử lý chất thải đủ tiêu chuẩn.

**DISPERBYK**

Mã sản phẩm: 00000000000100169

Phiên bản 3.0 SDS\_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2022/11/25

Ngày in 2025/02/24

**Các thông tin nguy hại khác (nếu có, ví dụ: bụi nổ..)**

Không có thông tin.

**3. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT**

Đơn chất / Hỗn hợp chất : Hỗn hợp chất  
 Bản chất hóa học : Solution of an alkylolammonium salt of a lower molecular weight polycarboxylic acid polymer

**Thành phần nguy hiểm**

Tên hóa học

Tên hóa học	Số CAS	Nồng độ (% w/w)
Condensation products of triethanolamine with addition products of fatty acids, C18 (unsaturated) alkyl with maleic anhydride	Không được chỉ định	>= 30 - < 50

**4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ**

Lời khuyên chung : Di chuyển ra khỏi khu vực nguy hiểm.  
 Đưa phiếu dữ liệu an toàn hoá chất này cho bác sỹ chăm sóc.  
 Không được để nạn nhân một mình.

Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp : Nếu bất tỉnh, đặt ở tư thế phục hồi và tìm kiếm sự giúp đỡ y tế.  
 Nếu các triệu chứng vẫn còn, hãy gọi bác sĩ.

Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da : Nếu ở trên da, rửa sạch bằng nước.

Trường hợp tai nạn khi tiếp xúc với mắt : Rửa mắt bằng nước để phòng ngừa.  
 Gỡ bỏ kính áp tròng.  
 Bảo vệ con mắt không bị tổn thương.  
 Mở rộng mắt khi rửa.  
 Liên hệ với chuyên gia nếu hiện tượng kích ứng ở mắt kéo dài.

Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa : Giữ sạch đường hô hấp.  
 Không cho uống sữa hoặc các đồ uống có cồn.  
 Không đưa bất cứ cái gì vào miệng nạn nhân bị bất tỉnh.  
 Nếu các triệu chứng vẫn còn, hãy gọi bác sĩ.

Các triệu chứng/tác hại nghiêm trọng tức thời và ảnh hưởng sau này : Không có thông tin.  
 Không có thông tin.

Lưu ý đối với bác sỹ điều trị : Không có thông tin.

**5. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN**

Các phương tiện chữa cháy thích hợp : Bột  
 Carbon điôxít (CO2)  
 Hóa chất khô

Các phương tiện chữa cháy không thích hợp : Tia nước dung tích lớn

Các chất độc được sinh ra khi bị cháy : Nitơ ôxít (NOx)  
 Carbon ôxít

**DISPERBYK**

Mã sản phẩm: 00000000000100169

Phiên bản 3.0 SDS\_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2022/11/25

Ngày in 2025/02/24

- Các phương pháp cứu hỏa cụ thể : Quy trình chuẩn dùng trong cháy nổ hóa chất  
Sử dụng các biện pháp chữa cháy phù hợp với hoàn cảnh địa phương và môi trường xung quanh.
- Thiết bị bảo hộ đặc biệt dành cho lính cứu hỏa : Đeo các dụng cụ thở cá nhân khi chữa cháy nếu cần thiết.

**6. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ**

- Trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó sự cố : Sử dụng các thiết bị bảo hộ cá nhân.
- Các cảnh báo về môi trường : Ngăn ngừa không cho sản phẩm đi vào hệ thống cống rãnh.  
Ngăn ngừa việc rò rỉ hoặc tràn đổ tiếp theo nếu việc làm này an toàn.
- Biện pháp, vật liệu vệ sinh sau khi xảy ra sự cố : Hút khô bằng các vật liệu hút nước trợ (ví dụ như cát, silicagen, chất liên kết axit, chất liên kết phổ thông, mùn cưa).  
Giữ trong các bình chứa kín thích hợp để tiêu hủy.

**7. YÊU CẦU VỀ SỬ DỤNG, BẢO QUẢN**

- Lời khuyên khi bảo vệ khỏi cháy nổ : Các biện pháp thông thường nhằm ngăn ngừa hoả hoạn.
- Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm : Không được hít hơi/bụi.  
Tránh tiếp xúc với da và mắt.  
Về bảo hộ cá nhân, xem phần 8.  
Cấm hút thuốc, ăn uống tại khu vực sử dụng.  
Thải loại nước rửa theo các quy định của quốc gia và địa phương.  
Những người dễ bị mắc bệnh về da, hen suyễn, dị ứng hoặc các bệnh mãn tính về đường hô hấp không được làm việc trong bất kỳ quá trình nào có sử dụng chất pha chế này.
- Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản : Đóng kín bình chứa, đặt tại nơi khô ráo và thông gió tốt.  
Việc lắp đặt thiết bị điện / vật liệu đang làm việc phải tuân theo tiêu chuẩn an toàn về công nghệ.

**8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM/YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN****Các thành phần có các thông số cần kiểm soát tại nơi làm việc**

Không chứa các chất có giá trị giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp.

**Biện pháp và thiết bị bảo hộ cá nhân**

Bảo vệ tay

- Vật liệu : Cao su nitrile  
Thời gian thấm : > 120 min

Ghi chú

: Mang găng tay thích hợp.

Bảo vệ mắt

: Chai rửa mắt đựng nước tinh khiết  
Kính bảo hộ vừa khít

Bảo vệ da và cơ thể

: Quần áo không thấm.

## DISPERBYK

Mã sản phẩm: 00000000000100169

Phiên bản 3.0 SDS\_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2022/11/25

Ngày in 2025/02/24

Các biện pháp vệ sinh : Chọn đồ bảo hộ theo số lượng và nồng độ các chất nguy hiểm tại nơi làm việc.  
: Rửa tay trước khi nghỉ giải lao và vào cuối ngày làm việc.

## 9. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái	: thể lỏng
Màu sắc	: màu vàng
Mùi đặc trưng	: yếu
Ngưỡng mùi	: chưa có dữ liệu
Độ pH	: 8 (20 °C) Nồng độ: 100 % Phương pháp: Universal pH-value indicator
Điểm/khoảng nóng chảy	: Khoảng 0 °C Phương pháp: derived
Điểm sôi ban đầu	: 100,00 °C (1.013 hPa) Phương pháp: derived
Điểm cháy	: Không áp dụng được
Tỷ lệ hóa hơi	: chưa có dữ liệu
Tính dễ cháy (chất lỏng)	: Không cháy.
Giới hạn trên của cháy nổ	: chưa có dữ liệu
Giới hạn dưới của cháy nổ	: chưa có dữ liệu
Áp suất hóa hơi	: 24 hPa (20,00 °C) Phương pháp: derived
Tỷ trọng hơi tương đối	: chưa có dữ liệu
Tỷ trọng tương đối	: chưa có dữ liệu
Mật độ	: 1,0800 g/cm <sup>3</sup> (20,00 °C, 1.013 hPa) Phương pháp: 4 (20°C oscillating U-tube)
Mật độ lớn	: Không áp dụng được
Độ hòa tan	
Độ hòa tan trong nước	: có thể pha trộn hoàn toàn
Độ hòa tan trong các dung môi khác	: chưa có dữ liệu
Hệ số phân tán: n-octanol/nước	: chưa có dữ liệu
Nhiệt độ tự cháy	: > 200 °C Phương pháp: DIN 51794
Nhiệt độ phân hủy	: chưa có dữ liệu

**DISPERBYK**

Mã sản phẩm: 00000000000100169

Phiên bản 3.0 SDS\_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần  
nhất 2022/11/25

Ngày in 2025/02/24

Độ nhớt  
Độ nhớt, động lực : chưa có dữ liệu

**10. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG CỦA HÓA CHẤT**

Khả năng phản ứng : Không phân hủy nếu được lưu trữ và ứng dụng như chỉ dẫn.  
Tính ổn định : Không phân hủy nếu được lưu trữ và ứng dụng như chỉ dẫn.  
Phản ứng nguy hiểm : Không phân hủy nếu được lưu trữ và ứng dụng như chỉ dẫn.

Các điều kiện cần tránh : chưa có dữ liệu  
Vật liệu không tương thích : Các chất oxy hóa mạnh  
Axit mạnh

Phản ứng phân hủy và các sản phẩm độc của phản ứng phân hủy : Không phân hủy nếu được lưu trữ bình thường.

**11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH****Độc cấp tính****Sản phẩm:**

Độc tính cấp theo đường miệng : LD50 (Chuột, Đực và cái): > 10.000,000000 mg/kg  
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 401  
GLP: có

**Thành phần:****Condensation products of triethanolamine with addition products of fatty acids, C18 (unsaturated) alkyl with maleic anhydride:**

Độc tính cấp theo đường miệng : LD50 đường miệng (Chuột, Đực và cái): > 5.385 mg/kg  
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 401  
GLP: có

**Ăn mòn/kích ứng da****Sản phẩm:**

Loài: Thỏ  
Đánh giá: Không gây kích ứng da  
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 404  
Kết quả: Không gây kích ứng da  
GLP: có

Ghi chú: Có thể gây kích ứng và/hoặc viêm da.

**Thành phần:****Condensation products of triethanolamine with addition products of fatty acids, C18 (unsaturated) alkyl with maleic anhydride:**

Loài: EPISKIN human epidermis skin constructs  
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 439  
Kết quả: Không gây kích ứng da

**DISPERBYK**

Mã sản phẩm: 00000000000100169

Phiên bản 3.0 SDS\_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần  
nhất 2022/11/25

Ngày in 2025/02/24

GLP: có

Loài: Thỏ

Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 404

Kết quả: Không gây kích ứng da

GLP: có

**Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt****Sản phẩm:**

Loài: Thỏ

Kết quả: Không gây kích ứng mắt

Đánh giá: Không gây kích ứng mắt

Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 405

GLP: có

Ghi chú: Hơi có thể gây kích ứng mắt, hệ hô hấp và da.

**Thành phần:****Condensation products of triethanolamine with addition products of fatty acids, C18 (unsaturated) alkyl with maleic anhydride:**

Loài: Thỏ

Kết quả: Không gây kích ứng mắt

Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 405

GLP: có

**Kích thích hô hấp hoặc da****Sản phẩm:**

Ghi chú: Gây mẫn cảm.

**Thành phần:****Condensation products of triethanolamine with addition products of fatty acids, C18 (unsaturated) alkyl with maleic anhydride:**

Loại kiểm nghiệm: Mouse Local Lymph Node assay (LLNA)

Loài: Chuột nhắt

Đánh giá: Có thể gây kích ứng khi tiếp xúc với da.

Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 429

Kết quả: Có thể gây kích ứng khi tiếp xúc với da.

GLP: có

**Đột biến tế bào mầm (tế bào gen)****Sản phẩm:**Độc tính gây đột biến gen : Ghi chú: chưa có dữ liệu  
trong ống thí nghiệmĐộc tính gây đột biến gen : Ghi chú: chưa có dữ liệu  
trong cơ thể

**DISPERBYK**

Mã sản phẩm: 00000000000100169

Phiên bản 3.0 SDS\_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2022/11/25

Ngày in 2025/02/24

**Thành phần:****Condensation products of triethanolamine with addition products of fatty acids, C18 (unsaturated) alkyl with maleic anhydride:**

- Độc tính gây đột biến gen trong ống thí nghiệm : Loại kiểm nghiệm: Xét nghiệm Ames  
Sự hoạt hóa trao đổi chất: Có hoặc không có sự hoạt hóa trao đổi chất  
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 471  
Kết quả: Âm tính  
GLP: có
- : Loại kiểm nghiệm: Xét nghiệm nhiễm sắc thể bất thường trong ống thí nghiệm  
Sự hoạt hóa trao đổi chất: Có hoặc không có sự hoạt hóa trao đổi chất  
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 473  
Kết quả: Âm tính  
GLP: có
- : Loại kiểm nghiệm: In vitro mammalian cell gene mutation test (mouse lymphoma)  
Sự hoạt hóa trao đổi chất: Có hoặc không có sự hoạt hóa trao đổi chất  
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 476  
Kết quả: Âm tính  
GLP: có

**Tác nhân gây ung thư****Sản phẩm:**

Ghi chú: chưa có dữ liệu

**Độc tính sinh sản****Sản phẩm:**

- Ảnh hưởng đến khả năng sinh sản : Ghi chú: chưa có dữ liệu
- Ảnh hưởng đến sự phát triển của thai : Ghi chú: chưa có dữ liệu

**Thành phần:****Condensation products of triethanolamine with addition products of fatty acids, C18 (unsaturated) alkyl with maleic anhydride:**

- Ảnh hưởng đến khả năng sinh sản :  
Loài: Chuột  
Giới tính: Đực và cái  
Lộ trình ứng dụng: Đường miệng  
NOAEL: 1.000 mg/kg,  
F1: 1.000 mg/kg,  
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 422  
GLP: có

- Ảnh hưởng đến sự phát triển : Loài: Chuột

**DISPERBYK**

Mã sản phẩm: 00000000000100169

Phiên bản 3.0 SDS\_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần  
nhất 2022/11/25

Ngày in 2025/02/24

của thai

Lộ trình ứng dụng: Đường miệng  
1.000 mg/kg  
1.000 mg/kg  
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 422  
GLP: có**STOT - Tiếp xúc một lần****Sản phẩm:**

Ghi chú: chưa có dữ liệu

**STOT - Tiếp xúc lặp lại****Sản phẩm:**

Ghi chú: chưa có dữ liệu

**Lượng độc lặp lại****Sản phẩm:**

Ghi chú: chưa có dữ liệu

**Thành phần:****Condensation products of triethanolamine with addition products of fatty acids, C18 (unsaturated) alkyl with maleic anhydride:**Loài: Chuột, Đực và cái  
NOAEL: 1.000 mg/kg  
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 422  
GLP: có**Độc tính hô hấp****Sản phẩm:**

chưa có dữ liệu

**Thông tin khác****Sản phẩm:**

Ghi chú: chưa có dữ liệu

---

**12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI****Độc môi trường****Sản phẩm:**

Độc đối với cá

:

Ghi chú: chưa có dữ liệu

**DISPERBYK**

Mã sản phẩm: 00000000000100169

Phiên bản 3.0 SDS\_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần  
nhất 2022/11/25

Ngày in 2025/02/24

**Thành phần:****Condensation products of triethanolamine with addition products of fatty acids, C18 (unsaturated) alkyl with maleic anhydride:**

- Độc đối với cá : LL50 (Oncorhynchus mykiss (cá hồi cầu vồng)): > 100 mg/l  
Thời gian phơi nhiễm: 96 h  
Loại kiểm nghiệm: Thử nghiệm bán tĩnh  
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 203  
GLP: có
- Độc tính đối các loài giáp xác và các động vật không xương sống thủy sinh khác : EL50 (Daphnia magna (Bọ nước)): > 100 mg/l  
Thời gian phơi nhiễm: 48 h  
Loại kiểm nghiệm: Thử nghiệm tĩnh  
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 202  
GLP: có
- Độc đối với tảo : ErL50 (Pseudokirchneriella subcapitata (Tảo Pseudokirchneriella subcapitata)): 105 mg/l  
Thời gian phơi nhiễm: 72 h  
Loại kiểm nghiệm: Thử nghiệm tĩnh  
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 201  
GLP: có
- Độc tính đối với vi khuẩn : EC50 (Than hoạt tính): > 1.000 mg/l  
Thời gian phơi nhiễm: 3 h  
Loại kiểm nghiệm: static test  
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 209  
GLP: có

**Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy****Sản phẩm:**

Tính phân hủy sinh học : Ghi chú: chưa có dữ liệu

**Thành phần:****Condensation products of triethanolamine with addition products of fatty acids, C18 (unsaturated) alkyl with maleic anhydride:**

Tính phân hủy sinh học : Kết quả: Phân hủy sinh học một phần.  
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 301F  
GLP: có

**Khả năng tích lũy sinh học****Sản phẩm:**

Tính tích lũy sinh học : Ghi chú: chưa có dữ liệu

**Độ linh động trong đất**

chưa có dữ liệu

**Các tác hại khác****Sản phẩm:**

**DISPERBYK**

Mã sản phẩm: 00000000000100169

Phiên bản 3.0 SDS\_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2022/11/25

Ngày in 2025/02/24

Các thông tin sinh thái khác : chưa có dữ liệu

**13. THÔNG TIN VỀ THẢI BỎ****Các biện pháp thải bỏ**

Chất thải từ cặn : Không thải loại chất thải vào các hệ thống thoát nước thải. Không làm nhiễm bẩn các ao nước, luồng nước hoặc hệ thống mương rãnh bởi các chất hoá học hoặc các thùng chứa đã qua sử dụng. Gửi đến cho một công ty xử lý chất thải có giấy phép.

Bao bì nhiễm độc : Loại bỏ các thành phần còn lại. Loại bỏ như đối với sản phẩm không sử dụng. Không tái sử dụng các thùng chứa rỗng.

**14. THÔNG TIN KHI VẬN CHUYỂN****Quy định Quốc tế****UNRTDG**

Chưa được quy định là hàng hóa nguy hiểm

**IATA-DGR**

Chưa được quy định là hàng hóa nguy hiểm

**Mã IMDG**

Chưa được quy định là hàng hóa nguy hiểm

**Vận chuyển trong tàu lớn theo như Phụ lục II của Công ước MARPOL 73/78 và Bộ luật IBC**

Không áp dụng cho sản phẩm khi được cung cấp.

**15. THÔNG TIN VỀ PHÁP LUẬT****Các thông tin pháp luật về an toàn, sức khỏe và môi trường đối với hóa chất**

Luật Hóa Chất số 06/2007/QH12

**16. CÁC THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC, BAO GỒM CÁC THÔNG TIN KHI XÂY DỰNG VÀ HIỆU ĐÍNH PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT****Toàn bộ nội dung các cụm từ viết tắt khác**

AIIC - Kiểm kê Hóa chất Công nghiệp Úc; ANTT - Cơ quan Quốc gia về Vận tải trên Đất liền của Brazil; ASTM - Hiệp hội Hoa Kỳ về Thử nghiệm Vật liệu; bw - Trọng lượng cơ thể; CMR - Chất gây ung thư, chất gây đột biến hoặc ngộ độc sinh sản; DIN - Tiêu chuẩn của Viện Tiêu chuẩn hóa của Đức; DSL - Danh sách các Chất Nội địa (Canada); ECx - Nồng độ liên quan đến x% đáp ứng; ELx - Tốc độ chất liệu liên quan đến x% đáp ứng; EmS - Bảng Tình trạng khẩn cấp; ENCS - Hóa chất Hiện có và Mới (Nhật Bản); ErCx - Nồng độ liên quan đến x% đáp ứng tốc độ tăng trưởng; ERG - Hướng dẫn Phản ứng Tình trạng khẩn cấp; GHS - Hệ thống Hòa hòa Toàn cầu; GLP - Thực hành tốt phòng kiểm nghiệm; IARC - Cơ quan Nghiên cứu Ung thư Toàn cầu; IATA - Hiệp hội Hàng không Toàn cầu; IBC - Mã Quốc tế về Xây dựng và Thiết bị Tàu chuyên chở Hóa chất Độc hại; IC50 - Nồng độ ức chế tối đa 50% tăng trưởng ở đối tượng thử nghiệm; ICAO - Tổ chức Hàng không Dân dụng Quốc tế; IECSC - Kiểm kê Hóa chất Hiện có tại Trung Quốc; IMDG - Hàng hải Quốc tế về Hàng nguy hiểm; IMO - Tổ chức Hàng hải Quốc tế; ISHL - Luật Sức khỏe và An toàn ngành (Nhật Bản); ISO - Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế; KECL - Kiểm kê Hóa chất

**DISPERBYK**

Mã sản phẩm: 00000000000100169

Phiên bản 3.0 SDS\_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2022/11/25

Ngày in 2025/02/24

hiện có Hàn Quốc; LC50 - Nồng độ gây chết người đối với 50% đối tượng được thử nghiệm; LD50 - Liều lượng gây chết người đối với 50% đối tượng được thử nghiệm (Liều lượng Gây chết người Trung bình); MARPOL - Quy ước Quốc tế về Phòng chống Ô nhiễm từ Tàu thuyền; n.o.s. - Không được Quy định Khác; Nch - Tiêu chuẩn Chile; NO(A)EC - Không quan sát thấy nồng độ gây tác dụng (bất lợi); NO(A)EL - Không quan sát thấy mức độ gây tác dụng (bất lợi); NOELR - Không quan sát thấy tốc độ chất liệu gây tác dụng phụ; NOM - Tiêu chuẩn Chính thức Mexico; NTP - Chương trình Độc học Quốc gia; NZIoC - Kiểm kê Hóa chất New Zealand; OECD - Tổ chức phát triển và hợp tác kinh tế; OPPTS - Văn phòng phòng chống ô nhiễm và an toàn hóa học; PBT - Chất Độc hại, Bền và Khó phân hủy; PICCS - Kiểm kê Hóa chất Philippines; (Q)SAR - (Định lượng) Mối quan hệ Hoạt động Cấu trúc; REACH - Quy định (EC) Số 1907/2006 của Hội đồng và Nghị viện châu Âu về Đăng ký, Đánh giá, Cấp phép và Hạn chế Hóa chất; SADT - Nhiệt độ Phân hủy Tự tăng tốc; SDS - Phiếu an toàn hóa chất; TCSI - Kiểm kê Hóa chất Đài Loan; TDG - Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm; TECI - Bảng kê khai tồn kho hóa chất hiện tại của Thái Lan; TSCA - Đạo luật Kiểm soát Độc chất (Hoa Kỳ); UN - Liên Hiệp Quốc; UNRTDG - Khuyến nghị của Liên hiệp quốc về Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm; vPvB - Rất bền và rất Khó phân hủy; WHMIS - Hệ thống Thông tin An toàn Hóa chất Nơi làm việc

Định dạng ngày tháng : năm/tháng/ngày

Các thông tin này dựa trên hiểu biết hiện nay của chúng tôi do đó không chắc chắn đối với một số đặc tính nhất định.